TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HS-PT

Ngày: 12 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân
2. Ông Phạm Viết Hùng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Hương-Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 599/2019/TLPT-HS, ngày 23/12/2019 đối với các bị cáo Phạm Thị Tú N2, Lê Quốc C1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự số: 145/2019/HS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị Tú N2 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 12/02/1989; tại tỉnh Tiền Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: 134/109/88B đường L1, Phường X1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1/7 đường L2, khu phố X3, phường T1, Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị P; có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lê Quốc C1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại tỉnh Tiền Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Ô, xã T2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Lê Văn C2 và bà Phạm Thị Kim T3; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3/2018, Phạm Thị Tú N2 quen với người phụ nữ tên M1 (không rõ lai lịch) ở khu vực Quận X2 là chủ thầu số đề, N2 xin bà M1 cho tham gia ghi bán số đề giao phơi để hưởng tiền hoa hồng. Bà M1 đồng ý và thỏa thuận với N2 như sau: Đối với người đánh bạc, mua 1.000 đồng 02 số, nếu trúng thì ăn 75.000 đồng, mua 1.000 đồng 03 số, nếu trúng thì ăn 650.000 đồng, mua 1.000 đồng 04 số, nếu trúng thì ăn 5.500.000 đồng. Sau đó Ngọc tính tỷ lệ thắng thua với người đánh bạc như sau: Người đánh bạc mua 1.000 đồng 02 số, nếu trúng thì ăn 73.000 đồng; người đánh bạc mua 1.000 đồng 03 số, nếu trúng thì ăn 630.000 đồng; người đánh bạc mua 1.000 đồng 04 số, nếu trúng thì ăn 5.000.000 đồng. Khi N2 giao phơi cho bà M1 thì được hưởng 4% trên tổng số tiền phơi.

Hàng ngày Ngọc ghi bán số đề cho những người đánh bạc từ 13 giờ đến 16 giờ đối với đài xổ số miền Nam đến 19 giờ đối với đài xổ số miền Bắc, người đánh bạc chủ yếu ghi mua số đề bằng hình thức gọi, nhắn tin qua điện thoại hoặc đến nhà ghi trực tiếp. Khi nhận ghi đề thì số tiền ghi đề Ngọc chưa lấy của những người đánh bạc mà để đến hôm sau mới tính toán thắng thua. Ngày 18/4/2018, sau khi ghi bán số đề, một phần N2 giữ lại để ăn thua với người đánh bạc, một phần N2 chuyển lại cho bà M1 để hưởng tiền hoa hồng. Sau khi có kết quả xổ số trong ngày, qua ngày hôm sau thì Ngọc liên lạc với M1 và hẹn ra quán cà phê để tính tiền thắng thua và M1 giao tiền cho Ngọc trực tiếp chung chi cho người đánh bạc trúng số. Bình quân 01 ngày Ngọc ghi số đề cho khoảng từ 05 đến 10 người đánh bạc đến ghi với tổng số tiền trong phơi từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Ghi bán số đề được khoảng hơn 10 ngày thì Ngọc rủ thêm Lê Quốc C1 là anh em bà con, tham gia ghi bán số đề cho người đánh bạc ở quê giao phơi cho Ngọc, Ngọc sẽ cho hưởng 02% trên tổng số tiền phơi, C1 đồng ý và hàng ngày C1 ghi bán số đề cho người đánh bạc, sau đó chuyển phơi lại cho Ngọc bằng cách nhắn tin qua điện thoại, khi có kết quả xổ số sau khi tính toán thắng thua thì C1, Ngọc chuyển tiền cho nhau qua tài khoản ngân hàng.

Vào ngày 18/4/2018, Ngọc đã ghi bán số đề cho những người đánh bạc, gồm:

1. Nguyễn Thị M2 (tên gọi khác: chị Thanh xóm) nhắn tin qua điện thoại mua số đề các số sau: Hai đài Cần Thơ và Đồng Nai: 0114 bao lô 2000 đồng = 64.000 đồng; 12, 52, 92 đá 1000 đồng đài miền Bắc = 162.000 đồng. Tổng số tiền: 226.000 đồng;

2. Võ Văn V đến nhà trực tiếp mua các số: 11, 51, 91 đá 5000 đồng đài xổ số miền Bắc. Tổng số tiền: 810.000 đồng;

3. B béo (không rõ lai lịch) nhắn tin qua điện thoại 2 đài Cần Thơ, Đồng Nai. Tổng số tiền: 580.000 đồng;

4. D (không rõ lai lịch) nhắn tin qua điện thoại hai đài Cần Thơ, Đồng Nai. Tổng số tiền: 320.000 đồng;

5. U mập (không rõ lai lịch) nhắn tin qua điện thoại: số 33-86 đá 3.000 đồng 02 đài Cần Thơ và Đồng Nai, số 33 bao lô 10.000 đồng 02 đài Cần Thơ và Đồng Nai, số 86-68 đá 3.000 đồng đài miền Bắc, số 86 bao lô 10.000 đồng đài miền Bắc với tổng số tiền: 1.008.000 đồng. Kiểm tra kết quả xổ số, chị U trúng số 33 được 750.000 đồng. Tổng số tiền: 1.758.000 đồng;

6. Bị cáo Lê Quốc Cường nhắn tin chuyển số đề qua tin nhắn điện thoại. Tổng cộng ngày 18/4/2018, Lê Quốc Cường đã giao phơi số đề cho Phạm Thị Tú N2 với tổng số tiền: 11.528.000 đồng. Qua kiểm tra kết quả xổ số, số 49 bao lô 10.000 đồng đài Đồng Nai trúng được 750.000 đồng, số 68 – 86 bao lô 20.000 đồng đài Đồng Nai trúng được 1.500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của C1: 13.778.000 đồng.

Sau khi Ngọc ghi bán số đề cho những người đánh bạc và nhận phơi của Cường chuyển số tiền trong ngày 18/4/2018: 13.662.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) đối với đài miền Nam và 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng) đối với đài miền Bắc thì một phần Ngọc giữ lại ăn thua với những người đánh bạc theo đài miền Nam: 4.367.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), N2 chuyển lại cho chủ là đối tượng M1 với tổng số tiền: 9.295.000 đồng (chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng), riêng đối với đài miền Bắc thì chưa chuyển được thì bị bắt.

Theo kết quả xổ số ngày 18/4/2018 thì số tiền bị cáo C1 trúng là 2.250.000 đồng; các số đề trong phơi đề Ngọc chuyển cho M1 có các số trúng được với tổng số tiền: 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); những số đề trong phơi đề mà Ngọc giữ lại trúng được 3.750.000 đồng (gồm số trúng của U mập: 750.000 đồng, của C1: 750.000 đồng và những con số khác: 2.250.000 đồng). Số tiền trúng đề này chưa được M1 trả thì đã bị bắt.

Ngoài ra, Ngọc khai trong ngày 17/4/2018, Ngọc có chuyển phơi đề cho M1 và đến 08 giờ 22 phU ngày 18/4/2018, M1 nhắn tin tính toán số tiền M1 phải chuyển sang cho Ngọc để thanh toán tiền thắng đề cho những người ghi đề: 10.578.000 đồng (mười triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng) nhưng chưa chuyển tiền thì Ngọc bị bắt.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị Tú N2 khai nhận bắt đầu tham gia ghi bán số đề cho những người đánh bạc giao phơi cho M1 được khoảng hai tháng để hưởng 04% trên tổng số tiền phơi, mỗi ngày Ngọc ghi bán số đề được từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và được tiền hoa hồng: 200.000 đồng/ngày. Tính từ khi bị cáo tham gia ghi bán số đề đến khi bị bắt, bị cáo hưởng lợi khoảng 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Đối với Lê Quốc C1: Mỗi ngày C1 ghi bán số đề được chuyển cho Ngọc từ 5.000.000 đồng đến

10.000.000 đồng, hưởng lợi từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, tính đến ngày bị phát hiện Lê Quốc C1 hưởng lợi được khoảng 6.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 145/2019/HS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Tú N2, Lê Quốc C1 phạm tội "Đánh bạc".

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tú N2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Buộc bị cáo Phạm Thị Tú N2 nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc C1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Buộc bị cáo Lê Quốc C1 nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2019 bị cáo Phạm Thị Tú N2 kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 29/10/2019 bị cáo Lê Quốc C1 kháng cáo xin hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Tú N2 do bị cáo phạm tội nhiều lần, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quốc C1 do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã cung cấp tài liệu, chứng cứ có cha ruột được thưởng nhiều huân chương trong kháng chiến, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo C1 và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo.

Các bị cáo không tham gia tranh luận;

Lời nói sau cùng: Bị cáo Phạm Thị Tú N2 xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Quốc C1 xin giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Tú N2, Lê Quốc C1 trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Thị Tú N2, Lê Quốc C1 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phạm Thị Tú N2 thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 14.472.000đ và tiền trúng đề ngày 18/4/2018 là 17.250.000đ, như vậy tổng số tiền mà bị cáo Ngọc đã dùng để đánh bạc là 31.722.000đ; bị cáo Lê Quốc C1 thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền trong phơi đề là 11.528.000đ và tiền trúng đề trong ngày 18/4/2018 là 2.250.000đ, như vậy tổng số tiền bị cáo C1 dùng để đánh bạc là 13.778.000đ. Vì vậy, các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Tòa án nhân dân Quận X4 xét xử là đúng người, đúng tội.

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Tú N2, Lê Quốc C1 tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Phạm Thị Tú N2 có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, con còn nhỏ thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng có có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có cơ sở. Mức hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo. Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Ngọc.

Đối với bị cáo Lê Quốc C1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sauk hi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là các chứng cứ, tài liệu chứng mình gia đình có cha ruột được tặng thưởng nhiều huân huy chương được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đây là tình tiết mới. Đồng thời bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho Ngọc, khi xét xử cấp sơ thẩm khi xét xử không áp dụng các điều 17, 58 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với hành vi phạm tội thuộc trường hợp có đồng phạm là thiếu sót. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo C1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình kinh tế khó khăn theo xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo C1 cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội

phạm. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Quốc C1, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tú N2: 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bị cáo Phạm Thị Tú N2 số tiền 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Quốc C1**: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

Thời gian thử thách là 01 (một) 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt bị cáo Lê Quốc C1 số tiền 5.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Lê Quốc C1 cho Ủy ban nhân dân xã T2, thị xã G, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Phạm Thị Tú N2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Quốc C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Châu

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp. HCM; (3)
- Tòa án nhân dân Quận 7; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi cục THA Quận 7; (1)
- VKSND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (21). (6)